

## LỄ CẦU NGƯ CỦA CỘNG ĐỒNG CƯ DÂN XÃ ĐẢO NGHI SƠN, HUYỆN TĨNH GIA, TỈNH THANH HÓA

NCS.GVC. Nguyễn Thị Trúc Quỳnh<sup>1</sup>  
ThS. Nguyễn Thị Hương<sup>2</sup>

**Tóm tắt:** Cầu ngư là một trong những lễ hội truyền thống của cộng đồng cư dân xã đảo Nghi Sơn, huyện Tĩnh Gia, tỉnh Thanh Hóa. Lễ cầu ngư thường được tổ chức vào trung tuần tháng 4 âm lịch hàng năm với mục đích là cầu mong cho một mùa vụ bội thu, trời yên bể lặng, tôm cá đầy khoang. Bà con ngư dân ra khơi sẽ luôn được sự bảo hộ của các vị thần biển. Không chỉ vậy, cùng với những điểm chung như các cộng đồng cư dân ven biển khác, lễ cầu ngư của cộng đồng cư dân xã đảo Nghi Sơn cũng có những nét riêng được tạo nên bởi môi trường sinh sống của cư dân nơi đây.

**Từ khóa:** Lễ hội cầu ngư, cộng đồng cư dân xã đảo, xã Nghi Sơn, huyện Tĩnh Gia.

### 1. Khái quát về xã đảo Nghi Sơn

Xã đảo Nghi Sơn hay còn được gọi là Cù lao Biện hay đảo Biện, hòn Biện, là một xã có vị trí địa lý khá đặc biệt so với các xã ven biển khác của tỉnh Thanh Hóa. Cả xã nằm trên một đảo nhỏ gần bờ có cư dân sinh sống từ lâu đời và nơi đây cũng là hòn đảo duy nhất trong hệ thống các đảo của Thanh Hóa có cư dân sinh sống.

Nói về vị trí của xã, sách *Đại Nam nhất thống chí* của Quốc sử quán triều Nguyễn chép: “Hòn Biện Sơn ở ngoài cửa Bạng 7 dặm, thuộc huyện Ngọc Sơn, nổi vọt lên giữa biển. Giữa núi về phía tây nam có giếng Tẩy Ngọc (giếng rửa ngọc), trên đỉnh núi phía bắc có đền thờ thần, phía nam có chùa thờ Phật, phía tây có đền thờ Mị Nương công chúa, dưới đền là Vũng Ngọc, sản xuất ngọc trai. Đồi Lê có đặt trường lấy ngọc ở đây. Những ngọc trai tìm thấy tất cả phải rửa bằng nước giếng thì sắc ngọc mới sáng, vì thế gọi là “giếng tẩy ngọc”. Sườn núi bằng phẳng có dân cư. Về phía nam cách một dặm có Hòn Mê, chim én biển thường kéo đến làm tổ. Núi này là chân sơn ở Biện Hải. Thuyền bè thường đổ về để tránh sóng gió, nay có đặt pháo đài”. Như vậy, có thể xác định được rằng, xã Nghi Sơn nằm trọn trên một hòn đảo nhỏ, gần bờ, có vị trí khá quan trọng, là chân sơn của vùng biển phía nam Thanh Hóa.

Mặt khác, với một vị trí rất thuận lợi nằm trong một vụng vừa kín gió, vừa sẵn nguồn nước ngọt, thuận tiện đường sông và đường bộ, đặc biệt, các yếu tố liên hoàn “cửa sông”, “cửa lạch”, “biển”, “đảo”. Thuyền bè từ đây có thể ngược Lạch Bạng theo sông Yên len lỏi khắp vùng tây nam hoặc tới lưu vực sông Mã, sông Lương: từ Biện Sơn theo cửa Hà Nắm, theo sông đào Ba Hòa đi vào Nghệ An. Đồi đường ngược xuôi đều thuận tiện nên trong suốt chiều dài lịch sử của đất nước, Biện Sơn luôn là một vị trí trọng yếu trên con đường biển thiên lý bắc nam và gắn liền với nhiều cuộc hành quân tiến đánh Chiêm Thành của các vương triều Đại Việt; tiêu biểu như năm 1312, Trần Anh Tông thân chinh đi đánh Chiêm Thành. Năm 1470, Lê Thánh Tông đi đánh Chiêm Thành...; Không chỉ vậy, trong lịch sử vùng đất Biện

<sup>1</sup> Phòng Quản lý Khoa học - Trường Đại học Văn hóa, Thể thao và Du lịch Thanh Hóa

<sup>2</sup> Phòng Công tác HSSV - Trường Đại học Văn hóa, Thể thao và Du lịch Thanh Hóa

Sơn còn từng là căn cứ thủy quân của các triều đại phong kiến (đáng lưu ý là phòng tuyến Tam Điệp - Biện Sơn. Là phòng tuyến trên biển và đất liền của nghĩa quân Tây Sơn khi tiến quân ra Bắc tiêu diệt quân Thanh xâm lược) và tiền đồn của các triều đại phong kiến mà dấu vết của các tiền đồn hiện nay vẫn còn ở trên đảo gồm: thành Đồn, thành Hươu và thành Nguyệt. Thành Đồn nằm ở phía đông bắc của đảo vốn là một đồn tuần ti thời Lê và đến năm Minh Mệnh thứ 10 (1829) cho xây dựng thành pháo đài Biện Sơn. Thành Hươu ở góc đông nam của đảo, đây chính là pháo đài Tĩnh Hải, còn thành Nguyệt chính là Tấn Bạng là công trình phòng thủ bờ biển của quân trên bộ<sup>3</sup> đồng thời cũng là nơi trú ngụ của thuyền bè mỗi khi qua đây. Như vậy, có thể thấy, trong lịch sử vùng đất Biện Sơn (nay là Nghi Sơn) đã luôn giữ một vị trí trọng yếu của con đường biển thiên lý bắc nam. Nơi đây vừa là tiền đồn, nhưng đồng thời cũng chính là một trong những điểm giao thương buôn bán giữa miền bắc, miền nam của đất nước và với nước ngoài. Trải qua thời gian bồi lấp đã tạo nên những bãi cát nổi hòn Biện với đất liền, cùng với đó, dưới bàn tay lao động của con người, hòn Biện Sơn (nay là xã đảo Nghi Sơn) đã được nối với đất liền và trở thành một bán đảo nằm ở phía nam của huyện Tĩnh Gia, tỉnh Thanh Hóa.

Về tên gọi của vùng đất, theo sách *Tên làng xã Việt Nam* đầu thế kỷ 19, ban đầu nơi đây được gọi là Cù lao Biện hay Biện Sơn, đến thời Lý - Trần gọi là đảo Biện Loan. Nhưng về sau, do nơi đây có thành phần dân cư từ nhiều nơi hợp về và chưa ổn định về cơ cấu tổ chức nên được sắp xếp thành phường tứ chiếng Biện Sơn thuộc tổng Duyên La, huyện Ngọc Sơn, phủ Tĩnh Gia, nội trấn Thanh Hoa (từ tháng 10 năm Minh Mệnh thứ 12 - 1831 là tỉnh Thanh Hoa, từ đầu niên hiệu Thiệu Trị, 1841 đổi thành tỉnh Thanh Hóa, vì kỵ húy mẹ vua Thiệu Trị là Hồ Thị Hoa). Năm Minh Mệnh thứ 19 (Mậu Tuất, 1838), tổng Duyên La đổi tên thành Tuần La. Không rõ từ bao giờ, tên “phường tứ chiếng Biện Sơn” được đổi thành “Cận Sơn phường”. Cách mạng tháng Tám năm 1945 thành công, phường Cận Sơn được đổi tên thành thôn Nghi Sơn, có nghĩa là “hòn đảo núi uy nghi”, thuộc xã Hải Thượng, huyện Tĩnh Gia, tỉnh Thanh Hóa. Tên gọi Nghi Sơn có từ đó và tồn tại cho tới nay.

Về mặt hành chính, từ năm 1954, Nghi Sơn là một thôn thuộc xã Hải Thượng, huyện Tĩnh Gia. Ngày 14 tháng 12 năm 1984, Hội đồng Bộ trưởng (nay là Chính phủ) ra Quyết định số 163/QĐ-Ttg chia Hải Thượng thành 3 xã: Nghi Sơn, Hải Thượng và Hải Hà. Xã Nghi Sơn được hình thành và ổn định về địa giới hành chính từ đó. Cũng từ đây, địa giới hành chính của xã được xác định trong khoảng 19,3 vĩ độ bắc, 105,87 độ kinh đông. Phía bắc, phía nam và phía đông của xã giáp biển Đông, phía tây giáp xã Hải Hà và Hải Thượng, với 4 thôn: thôn Bắc Sơn, thôn Trung Sơn, thôn Thanh Sơn và thôn Nam Sơn. Diện tích toàn xã 354,22ha, trong đó vùng biển có diện tích 7,72 ha, đất làm muối 3,33 ha, còn lại là đất ở, trồng rừng và đất chuyên dùng<sup>4</sup>. Phương thức mưu sinh chủ yếu của người dân nơi đây là nghề biển (66,6% người dân đánh bắt hải sản; 14,7% là tiểu thủ công nghiệp và 18,7% là thương mại và dịch vụ, trong đó chủ yếu là dịch vụ hậu cần nghề cá).

<sup>3</sup> Tỉnh ủy, HĐND, UBND tỉnh Thanh Hóa (2000), *Địa chí Thanh Hóa*, tập 1, Nxb Văn hóa Thông tin, tr 685 - 686

<sup>4</sup> Ban Chấp hành Đảng bộ xã Nghi Sơn (2013), *Lịch sử Đảng bộ xã Nghi Sơn 1945 - 2013*.

Với vị trí bám biển, cuộc sống của cộng đồng cư dân nơi đây chủ yếu là nghề biển, phụ thuộc vào biển và biển là nguồn sống duy nhất của họ. Phương thức mưu sinh chính là nghề biển, sinh tử cũng bám biển bám nghề. Thế nhưng, biển cả thì luôn thần bí: khi thì hiền hòa nhưng có lúc lại vô cùng dữ dội, lúc hào phóng nhưng cũng có những khi cũng vô cùng nghiệt ngã. Không ai biết chắc điều gì sẽ xảy ra, điều gì đang chờ đợi họ trong mỗi chuyến đi. Đối mặt với môi trường và hoàn cảnh sống như vậy đã tạo cho cộng đồng cư dân nơi đây có những ứng xử phù hợp với hoàn cảnh. Một trong những cách ứng xử đó là thực hành các nghi lễ để cầu xin thần linh - những người có những sức mạnh và quyền năng vô biên có thể giúp họ thoát được những tai ương, hiểm họa do biển mang lại. Lễ cầu ngư là một trong những cách thức ứng xử của cộng đồng cư dân nơi đây trước môi trường, hoàn cảnh sống của mình.

## **2. Lễ cầu ngư của cộng đồng cư dân xã đảo Nghi Sơn**

Cầu ngư là một trong những lễ hội lớn nhất trong năm của cộng đồng ngư dân vùng biển Việt Nam. Lễ hội có nhiều tên gọi khác nhau như: lễ cầu ngư, lễ tế cá ông, lễ cúng ông, lễ nghinh ông... Tên gọi tuy khác nhau, thời điểm tổ chức có thể khác nhau nhưng tất cả đều có chung một mục đích là cầu mong những vị thần biển phù hộ cho họ một năm làm ăn thuận lợi, trời yên bể lặng, cá tôm đầy khoang.

Cũng như những vùng ven biển khác, hàng năm vào trung tuần tháng tư, cộng đồng cư dân xã đảo Nghi Sơn, huyện Tĩnh Gia, tỉnh Thanh Hóa tổ chức lễ cầu ngư với hy vọng rằng thần linh sẽ phù hộ cho họ có một năm làm ăn thuận lợi.

Lễ cầu ngư theo nghĩa đen có thể hiểu đây là nghi lễ cầu mùa của cư dân ven biển. Tuy nhiên, hiểu theo một cách rộng hơn thì lễ cầu ngư là lễ cúng các vị thần biển để cầu mong một năm mưa thuận gió hòa, trời yên bể lặng, tôm cá đầy khoang trong mỗi chuyến ra khơi. Ở nhiều vùng biển khác đây còn là lễ hội cá Ông (còn được gọi là lễ tế cá Voi). “Ông” là tiếng gọi tôn kính của ngư dân dành riêng cho cá voi, loài cá thường giúp họ vượt qua tai nạn khi lênh đênh trên biển. Trong dân gian, người Việt cũng như người Chăm và người Hoa đều cho rằng cá voi không phải là loài cá bình thường mà là một loài cá thần. Biểu hiện ở đây không phải là sức vóc to lớn và sức chịu đựng khác thường, mà là loài cá có suy nghĩ, có tình cảm và đặc biệt là sự cảm nhận và tâm linh như con người. Do đó, việc tôn thờ thờ phụng rất tôn nghiêm và cá voi còn được coi là thần Nam Hải.

Địa điểm để tiến hành lễ cầu ngư thường được thực hiện ở đền và thời gian thường là những tháng đầu năm hay thời điểm chuyển tiếp giữa 2 mùa cá Nam và mùa cá Bắc. Việc lựa chọn địa điểm cũng như thời gian trên là do quan niệm của người Việt: để có thể giao tiếp được với thần linh thì phải thực hiện ở một không gian thiêng và thời gian thiêng. Không gian thiêng chính là những công trình tôn giáo tín ngưỡng như đình, đền, chùa, miếu. Thời gian thiêng là những thời điểm đặc biệt trong một năm, đó là thời gian có khả năng cao để giao tiếp với thần linh.

Ở xã Nghi Sơn, địa điểm tiến hành lễ cầu ngư là ở đền thờ Tứ vị Thánh nương. Thực hiện nghi lễ là những thầy tế được làng họp và lựa chọn kỹ càng từ trước đó. Thời gian tiến hành vào chiều tối ngày 16 tháng 4 hàng năm. Việc lựa chọn thời điểm này để tổ chức lễ cầu ngư bởi theo quan niệm từ trước đến nay ngày 16 hàng tháng (ngày rằm) là ngày mặt trăng,

mặt trời đối xứng nhau ở hai cực. Người xưa cho rằng vì thế mà mặt trời, mặt trăng nhìn rõ nhau, thấu suốt ánh sáng nhau, soi chiếu vào mọi tâm hồn con người trở nên sáng suốt, trong sạch, đầy lùi được mọi đen tối, vẩn đục, cái tâm vốn sáng suốt, trong sạch từ trong bản thể. Người ta tin rằng, ở ngày này nhờ sự thông suốt của mặt trời, mặt trăng mà thần thánh, ông bà, tổ tiên sẽ thông thương với con người, sự cầu nguyện sẽ đạt tới sự cảm ứng với các cõi khác và sự thông cảm tha thứ sẽ được đáp lại. Cùng với đó, vào thời điểm tháng tư chính là thời điểm giao mùa cá, đây là thời điểm chuyển sang mùa cá Nam - là mùa đánh bắt chính trong năm của ngư dân. Vì vậy, mà người dân nơi đây lựa chọn tổ chức lễ cầu ngư vào 16/4 hàng năm với ước vọng cầu cho một năm làm ăn thuận lợi, mưa thuận gió hòa, trời yên bể lặng và đánh bắt được nhiều cá trong mỗi chuyến ra khơi.

Trước ngày diễn ra lễ cầu ngư khoảng một tháng, cụ tiên chỉ và hội đồng bô lão làng họp bàn, phân công công việc cụ thể cho ông Từ giữ đền và các xóm trong làng từ việc lau đồ thờ, làm lễ Mộc Dục, kiểm tra các cỗ kiệu, soạn văn tế, dựng rạp, các lễ vật dâng cúng... đến việc chọn đội tế và luyện tập, chọn trai đình, các lễ vật cúng và thuyền rước... Trong những việc trên, quan trọng nhất là chọn đội tế lễ và làm thuyền rước.

Việc chọn đội tế lễ dựa trên các tiêu chuẩn: là người có gia đình song toàn, ít nhất 3 thế hệ trở lên, con cháu đề huề, làm ăn phát đạt, có uy tín trong làng xã, đặc biệt trong năm gia đình không có tang ma, chuyện buồn hay trong nhà có người có mang. Đội tế gồm ông chủ tế và những người giúp việc (Đông xướng, Tây xướng, hai bồi tế và hai phụ tế).

Thuyền rước có 2 thuyền: 01 thuyền cùng đoàn rước trên bờ và một thuyền rước trên biển. Đối với thuyền rước trên bờ, chiếc thuyền được làm bằng sắt, trên thuyền đặt các loại ngư cụ phục vụ cho việc ra khơi (những ngư cụ này là những đồ thật được sử dụng hàng ngày để đánh bắt hải sản). Ngoài ra, còn treo các loại hải sản như: tôm, cua, cá, mực... được làm bằng xốp. Thuyền rước trên biển được chọn trong số thuyền của ngư dân. Tiêu chuẩn chọn thuyền rước là thuyền mà gia đình song toàn, ít nhất 3 thế hệ trở lên, con cháu đề huề, làm ăn phát đạt, gia đình trong năm cũng không xảy ra chuyện gì. Trong đoàn thuyền rước sẽ chọn ra 2 thuyền để rước bài vị và bát hương của thần, hai thuyền được lựa chọn sau khi đi nghề về sẽ được rửa sạch sẽ, tẩy uế, súc nước thơm, sau đó trên thuyền đặt các loại ngư cụ phục vụ cho việc ra khơi (những ngư cụ này là những đồ thật được sử dụng hàng ngày để đánh bắt hải sản). Ngoài ra, trên thuyền còn treo các loại hải sản như: tôm, cua, cá, mực... được làm bằng xốp. Sau đó, đoàn thuyền sẽ đậu dưới bến, trước cửa đền thờ Tứ vị Thánh nương.

Đồ lễ dùng để cúng tế được chuẩn bị cẩn thận như xôi gà, chè, hoa quả, trầu cau, vàng hương và những gì mà người dân đánh bắt được. Đồ lễ không thể thiếu đó là lễ tam sinh gồm: 1 con lợn (nếu không có điều kiện thì chỉ cần 1 cái thủ lợn, cái đuôi lợn và bộ lòng), 1 con gà và 1 con vịt hoặc ngan.

Diễn trình của lễ cầu ngư gồm 3 giai đoạn: lễ rước, lễ tế và các hoạt động mô phỏng hoạt động ra khơi của người dân.

Lễ rước được thực hiện vào chiều ngày 16/4. Đầu tiên là tổ chức rước quanh xã bài vị của Tứ vị Thánh nương và Quan sát hải đại thần. Đoàn rước đi trước là kiệu Tứ vị Thánh nương, đến kiệu Quan sát hải đại thần, rồi đến thuyền rước, đoàn rước sẽ đi từ đền Tứ vị

Thánh nương sau đó đi qua đền Quan sát hải địa vương (nhưng ngày nay không đi qua nữa mà chỉ bái vọng do người dân lấn đất xây nhà, đường đi đến đền hiện rất nhỏ hẹp không thể đi được), sau đó đi đến lăng vua Bà rồi rước quay trở lại đền Tứ vị Thánh nương để làm lễ tế. Lễ tế được tổ chức vào buổi tối, khoảng 20 giờ. Nội dung lễ tế là cần cáo với thần linh, cầu mong thần linh phù hộ cho một năm làm ăn nhiều thuận lợi. Sau lễ tế là rước bát hương, bài vị của Tứ vị Thánh nương và Quan sát hải địa vương xuống 2 chiếc thuyền đã được lựa chọn và rước ra biển (đoàn thuyền sẽ đi khoảng mấy hải lý rồi quay trở lại). Ngày nay, mỗi khi tổ chức lễ cầu ngư không còn duy trì đoàn thuyền rước, đoàn thuyền vẫn được lựa chọn và làm đầy đủ các thủ tục. Tuy nhiên, đoàn thuyền chỉ đứng đậu trước cửa đền Tứ vị Thánh nương chứ không ra ngoài biển nữa. Việc này được người dân nơi đây lý giải rằng nếu rước bát hương xuống thuyền như vậy sẽ bị động đến thần linh và điều này là không tốt, thần linh sẽ không phù hộ cho bà con ở đây. Sau phần tế lễ là những hoạt động mô phỏng lại hoạt động sản xuất hàng ngày của ngư dân như đánh cá, bán cá, hát chèo thuyền, hát đối. Những hoạt động này được thực hiện như thật và tất cả bà con trong xã cùng tham gia. Sau khi các nghi thức tế lễ kết thúc thì người dân lần lượt vào đền để thắp hương cầu cho gia đình một năm may mắn, thuận lợi trong làm ăn. Nếu là năm chẵn tổ chức đua thuyền thì việc đua thuyền sẽ được tổ chức từ buổi sáng ngày 16/4 hoặc chiều ngày 15/4. Sau đó, tổ chức các hoạt động tiếp theo của lễ hội. Lễ hội kết thúc vào đêm 16/4.

Với những nghi lễ như vậy, dân làng tin rằng Thành hoàng làng và các vị thần biển sẽ phù hộ độ trì cho thuyền bè của họ được “xuôi chèo mát mái”, “lưới dãi chài rộng”, đánh bắt được nhiều cá tôm, cuộc sống no đủ, bình yên.

### **3. Những nét đặc trưng riêng và sự biến đổi của lễ cầu ngư ở xã đảo Nghi Sơn**

#### **3.1. Những nét đặc trưng riêng**

Là một trong những lễ quan trọng nhất trong năm của người dân vùng biển Thanh Hóa, tuy nhiên, lễ cầu ngư ở xã đảo Nghi Sơn lại có những nét khác biệt so với lễ cầu ngư ở những vùng biển khác ở những điểm sau:

*Về thời gian:* Ở xã đảo Nghi Sơn, lễ cầu ngư của thường diễn ra vào trung tuần tháng 4 âm lịch (tối 16/4) - đây là thời điểm kết thúc vụ cá Bắc và bắt đầu của vụ cá Nam. Nên tính chất của nó chính là lễ tạ nhưng đồng thời cũng là lễ cầu mùa, cầu cho một vụ cá mới bội thu. Trong khi đó, các xã khác ở vùng biển Thanh Hóa thường tổ chức vào tháng 2 âm lịch, như Ngư Lộc (Hậu Lộc) tổ chức vào 21- 22/2 âm lịch, Sầm Sơn tổ chức vào 14/5 âm lịch, Nga Bạch (Nga Sơn) vào ngày 15 - 16 tháng giêng. Điểm khác biệt nữa là thời gian diễn ra lễ cầu ngư vào buổi tối, các nghi thức tế lễ được thực hiện vào 20 giờ, sau phần tế lễ, các hoạt động khác của lễ hội được diễn ra như hát chèo chài, mô phỏng chợ cá và lúc này bà con trong xã vào trong đền để thắp hương cảm tạ cho mùa cá Bắc đã qua và cầu xin thần linh phù hộ cho một mùa cá Nam làm ăn thuận lợi, gặp nhiều may mắn, thuyền bè ra khơi thuận buồm xuôi gió, cá tôm đầy khoang. Vào những năm chẵn tổ chức lễ rước kiệu thì hoạt động này cũng được tổ chức vào buổi chiều tối khoảng tầm 17 - 18 giờ, lễ rước kiệu quanh xã, sau đó trở lại đền Tứ vị Thánh nương tổ chức các nghi thức tế lễ theo truyền thống.

*Về nội dung:* Các nghi thức chính trong lễ cầu ngư đơn giản hơn so với các địa phương khác ở Thanh Hóa. Ở Ngư Lộc (Hậu Lộc) lễ cầu ngư gồm 2 phần chính quan trọng nhất là lễ tế ở đàn chính (vị pháp sư tiến hành làm lễ “Thỉnh” các vị trong Hội đồng thần linh: Hoàng thiên Lão mẫu, Ngọc hoàng, Thành hoàng bản thổ, Đức vua thông thủy, Tứ vị Thánh nương...) và lễ tế long châu. Hay như ở Hải Thanh (Tĩnh Gia) các nghi thức chính gồm: rước cỗ lễ tam sinh và cỗ tế từ xã Hải Bình đến cảng cá Lạch Bạng rồi rước về đình làng Thanh Đình (xã Hải Thanh), sau cùng rước về đền Lạch Bạng (nơi thờ Tứ vị Thánh nương), sau đó lễ rước bài vị các vị thần lên thuyền để xuống biển. Sau nghi thức rước thần biển xuống tàu, đội tàu của xã Hải Thanh và Hải Bình biểu diễn các hoạt động đánh bắt, thu mua thủy sản, rồi chạy vào cửa Lạch. Còn ở Nghi Sơn chỉ xoay quanh nội dung nghi thức chính là lễ tế rồi sau đến các hoạt động của phần hội. Vào năm chẵn có tổ chức rước kiệu thì buổi chiều (khoảng 17 - 18 giờ) tổ chức rước kiệu và thuyền đi quanh xã (đi dọc trục đường chính của xã) rồi về tổ chức tế lễ tại đền Tứ vị Thánh nương. Không có lễ thả hay hóa Long Châu - một nghi lễ được xem là quan trọng nhất trong lễ cầu ngư mà ở đây những năm chẵn có rước thuyền (thuyền này thường là thuyền làm bằng sắt, trước kia làm bằng gỗ, bên trong thuyền có để đầy đủ các ngư cụ trong đánh bắt và xung quanh thuyền treo các con vật mà ngư dân thường khai thác, đánh bắt ngoài biển). Nghi lễ thả Long Châu lại thấy cộng đồng cư dân nơi đây thực hiện tại lễ tổng ôn vào rằm tháng 7.

*Về đồ lễ:* Chỉ có một con lợn (không có điều kiện thì chỉ cần thủ lợn, cái đuôi và bộ lòng), xôi gà và một con ngan hoặc vịt cùng hoa quả, không thấy có sự hiện diện của các vật phẩm từ nghề biển như các lễ hội cầu ngư ở nơi khác của tỉnh Thanh.

### **3.2. Những thay đổi của lễ cầu ngư**

Cùng với sự phát triển của kinh tế - xã hội, các thực hành tín ngưỡng ở lễ cầu ngư của cộng đồng cư dân xã cũng có những thay đổi nhất định:

*Thứ nhất,* ta có thể dễ dàng nhận thấy sự thay đổi trong tiêu chí chọn người tham gia thực hiện các nghi thức trong lễ hội. Việc lựa chọn người thực hành nghi lễ không quá câu nệ như trước. Ví như trước đây, lựa chọn đội tế phải là người có uy tín trong cộng đồng, có gia đình song toàn (từ 3 thế hệ trở lên), con cháu đề huề, làm ăn phát đạt, đặc biệt trong năm gia đình không có tang ma, chuyện buồn hay trong nhà có người có mang. Đội tế gồm ông chủ tế và những người giúp việc (Đông xướng, Tây xướng, hai bồi tế và hai phụ tế). Tiêu chí chọn người kiêng kiệu rước phải là những nam thanh, nữ tú tuổi từ 17 - 20 tuổi chưa lập gia đình, gia đình gia giáo, trong năm gia đình không có chuyện buồn. Nhưng hiện nay, do những yếu tố khách quan nên việc lựa chọn được đơn giản hóa và giảm bớt các điều kiện như đối với đội kiêng kiệu rước chỉ cần là thanh niên tuổi từ 18 - 20 tuổi (thậm chí có thể hơn), trong năm gia đình không có chuyện buồn. Còn đội tế cần là người có uy tín trong cộng đồng, trong năm gia đình không có tang ma. Các hoạt động trong lễ tế và lễ rước người tham chủ yếu là phụ nữ lớn tuổi (tuổi từ 45 trở lên). Chính sự đơn giản hóa này đã tạo cho những người được lựa chọn thường không có thái độ nghiêm túc khi thực hành các nghi thức của lễ rước như trêu đùa nhau, nói tục trong lễ rước... Và điều này đã, đang để lại hệ quả đáng lo ngại, đưa ra những hồi chuông cảnh báo về sự kết nối giữa giới trẻ với các giá trị văn hóa truyền thống không còn

được như trước. Đó là vấn đề gìn giữ, bảo tồn các hình thái tín ngưỡng nơi đây. Đồng thời, cũng gây khó khăn trong việc đào tạo đội ngũ thực hành tín ngưỡng kế cận, một khi lớp thanh niên không có nhận thức đúng về giá trị truyền thống của địa phương mình, từ đó dẫn đến thái độ thờ ơ, coi thường, thậm chí không quan tâm, quay lại với những giá trị mang tính truyền thống này. Để những giá trị truyền thống của tín ngưỡng địa phương vẫn được duy trì và bảo tồn cần có những giải pháp tuyên truyền, giáo dục giới trẻ để họ hiểu và nhận thức rõ hơn về vị trí, vai trò, giá trị tín ngưỡng trong đời sống, góp phần vào việc tạo dựng những giá trị văn hóa của cộng đồng cư dân Nghi Sơn trong bối cảnh mới, tiên tiến nhưng vẫn mang sắc thái cội nguồn.

*Thứ hai*, sự thay đổi trong đồ dâng cúng theo hướng đơn giản, tiện dụng. Trước đây, vào lễ cầu ngư việc lựa chọn lễ cúng rất nghiêm ngặt: 3 vật dùng để cúng tế chính (gồm: gà, ngan và lợn) phải lựa chọn kỹ càng, đồ lễ này từ đầu đã được giao cho một gia đình nuôi dưỡng cẩn thận để dành dâng lên thần, nhằm cầu khẩn các thần phù hộ cho bà con trong xã, đặc biệt là những ngư dân. Nhưng nay đã bỏ vì điều kiện sinh sống chật chội của người dân gặp nhiều khó khăn trong chăn nuôi. Vì vậy, đồ vật dâng lên cúng thường được lựa chọn cách thức là mua ngoài chợ. Ngoài ra, sự thay đổi trong đồ lễ cúng còn thể hiện ở việc cầu kỳ trong các sắp xếp các đồ lễ. Trước kia, chỉ bày đồ lễ lên ban thờ một cách giản đơn thì nay việc bày các mâm lễ hoa quả được giao cho các bản hội và bản hội nào cũng muốn mâm lễ của mình đẹp hơn nên trong việc bày các lễ vật dâng lên cúng cũng cầu kỳ hơn.

*Thứ ba*, trong việc rước kiệu, đây là một trong những nghi lễ quan trọng nhất (được tổ chức ở năm chẵn). Trước đây, việc rước kiệu được thực hiện theo quy trình, các kiệu thần sẽ được rước ra đền Tứ vị Thánh nương sau đó kiệu sẽ được rước đi quanh làng: đi từ đền Tứ vị Thánh nương, đi qua đền Quan sát hải, đi đến lăng vua Bà rồi sau đó trở về đền thờ Tứ vị Thánh nương để làm lễ tế thần. Tuy nhiên, hiện nay do việc xây dựng nhà cửa của người dân đã làm cho hệ thống đường đi lại trong xã bị thu hẹp, có những vị trí chỉ đủ cho 1 người đi vì thế việc rước kiệu hiện nay chỉ còn thực hiện trên trục đường chính của xã, đi từ đền Tứ vị Thánh nương ra đến lăng vua Bà rồi qua trở lại.

#### **4. Kết luận**

Lễ hội cầu ngư chính là nét đẹp, là hiện tượng văn hóa dân gian tiêu biểu của ngư dân vùng biển Thanh Hóa nói chung và ngư dân xã đảo Nghi Sơn nói riêng. Thông qua lễ hội, tình đoàn kết, gắn bó giữa các ngư dân ven biển được thắt chặt, thể hiện văn hóa cộng đồng của người Việt Nam. Lễ hội cầu ngư và giá trị văn hóa cộng đồng trong lễ hội cần được bảo tồn và phát huy hơn nữa trong xã hội ngày nay khi nhịp sống ngày càng sôi động, ý thức cá nhân được đề cao thì cần hơn bao giờ hết giá trị văn hóa truyền thống của dân tộc.

#### **Tài liệu tham khảo**

[1]. Ban Chấp hành Đảng bộ xã Nghi Sơn (2013), *Lịch sử Đảng bộ xã Nghi Sơn 1945 - 2013*.

[2]. Ban Nghiên cứu và Biên soạn lịch sử Thanh Hóa (2000), *Tên làng tên xã Thanh Hóa*, tập 1, Nxb Thanh Hóa.

- [3]. Huyện ủy, HĐND, UBND huyện Tĩnh Gia (2010), *Địa chí huyện Tĩnh Gia*, Nxb Từ điển Bách khoa.
- [4]. Viện Sử học (2006), *Đại Nam nhất thống chí*, tập 2, tái bản, Nxb Thuận Hóa.
- [5]. Viện Sử học (2005), *Lịch triều hiến chương loại chí*, tập 1, tái bản, Nxb Giáo dục.
- [6]. UBND xã Nghi Sơn, *Tài liệu ghi chép về dấu tích lịch sử vùng đất Biện Sơn*, lưu tại xã.
- [7]. Tỉnh ủy, HĐND, UBND tỉnh Thanh Hóa (2000), *Địa chí Thanh Hóa*, tập 1, Nxb Văn hóa Thông tin.
- [8]. Ghi chép theo lời kể của ông Trần Văn Phú - Trưởng ban Mặt trận Tổ quốc xã.
- [9]. Ghi chép theo lời kể của ông Nguyễn Xuân Hùng - Ban Quản lý đền thờ Tứ vị Thánh nương và Quan sát hải đại thần.

## **FISH PRAYING FESTIVAL IN NGHI SON COMMUNE, TINH GIA DISTRICT, THANH HOA PROVINCE**

*Nguyen Thi Truc Quynh, Ph.D student  
Nguyen Thi Huong, M.A*

**Abstract:** *Fish praying festival is one of traditional festivals held by local residents in Nghi Son commune, Tinh Gia district, Thanh Hoa province. Every year, the festival is usually held in the middle of the fourth lunar month with the aim of praying for a bumper crop as well as favorable weather. Then, fishermen going to the sea will always be protected by the sea gods. Fish praying festival in Nghi Son commune has its own characteristics originated from the living environment of local residents of an island commune.*

**Key words:** Fish praying festival, local residents of an island commune, Tinh Gia district, Thanh Hoa province

Người phản biện: TS. Lê Thị Lệ (ngày nhận bài 28/6/2018; ngày gửi phản biện 05/7/2018; ngày duyệt đăng 05/01/2019).